

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần May Bình Minh được chuyển đổi từ Công ty May Bình Minh (doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam) theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056676 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 1999 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 07 tháng 05 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại số 440 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 836 người (tại ngày 31/12/2021 là 959 người).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dệt may, xuất khẩu các sản phẩm dệt may; Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất các mặt hàng dệt may; Cho thuê kho bãi ...

Danh sách các chi nhánh của Công ty:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh	KCN Dệt may Bình An, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Xí nghiệp May Minh Hà	Thôn Dền, Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh tại Hải Phòng - Xí nghiệp May Minh Hải	Thôn 3, xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
Xí nghiệp May Minh Quân	37 đường Hiệp Bình, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh – Aeon Canary Bình Dương	Số 1, đại lộ Bình Dương, Khu phố Bình Giao' Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh – Gendai Aeon Mall Long Biên	27 Đường Cổ Linh, P Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo như sau:

Hội đồng Quản trị	Chủ tịch
Ông Lê Mạc Thuận	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thắng	Thành viên
Ông Võ Quốc Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
Ông Võ Quốc Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Nghĩa	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đình Thắng
Ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Hồ Đặng Ngọc Diễm

Trưởng ban (từ ngày 29/04/2022)
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY
TƯ VẤN
TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN
NAM VIỆT
CHỈ M

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Bình Minh được lập ngày 25/02/2023, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Bình Minh tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty kiểm toán độc lập khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 262/BCKT/TC/NV5 ngày 15 tháng 03 năm 2022.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1559-2023-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hoàng Hồ Nam

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4308-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 07 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.482.722.281	141.093.954.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.149.396.057	39.347.831.947
1. Tiền	111		21.149.396.057	7.852.831.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	31.495.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35.400.000.000	30.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.400.000.000	30.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.055.492.822	22.725.722.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.588.190.277	21.696.496.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.004.427.036	182.879.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	462.875.509	846.347.599
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	47.908.519.194	44.340.842.862
1. Hàng tồn kho	141		47.908.519.194	44.340.842.862
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.969.314.208	3.879.556.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	31.241.266	97.618.810
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.938.072.942	3.757.552.838
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	24.384.728
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.244.360.453	28.340.507.503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		398.249.920	876.444.320
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	398.249.920	876.444.320
II. Tài sản cố định	220		15.722.158.679	18.525.879.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.418.121.391	7.860.297.465
- Nguyên giá	222		87.939.515.050	89.132.439.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.521.393.659)	(81.272.141.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.304.037.288	10.665.582.456
- Nguyên giá	228		17.777.070.340	17.777.070.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.473.033.052)	(7.111.487.884)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.675.929.700	6.653.589.700
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	6.675.929.700	6.653.589.700
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	700.000.000	700.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		748.022.154	1.584.593.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	748.022.154	1.584.593.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.727.082.734	169.434.461.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.208.239.580	68.287.197.883
I. Nợ ngắn hạn	310		64.008.274.580	67.751.197.883
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.596.992.258	28.491.000.899
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	10.860.789.758	2.078.576.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.540.505.131	2.290.102.531
4. Phải trả người lao động	314		31.661.743.438	28.744.945.209
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.438.325.905	1.272.420.623
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.552.559.240	3.040.879.647
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.357.358.850	1.833.272.138
II. Nợ dài hạn	330		2.199.965.000	536.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	2.199.965.000	536.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.518.843.154	101.147.263.694
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	107.518.843.154	101.147.263.694
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.920.000.000	52.920.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.920.000.000	52.920.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.257.650.851	41.451.135.271
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.341.192.303	6.776.128.423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.341.192.303	6.776.128.423
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.727.082.734	169.434.461.577

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Thị Đoàn

Ngày 25 tháng 02 năm 2023



Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		317.409.781.644	266.977.650.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	317.409.781.644	266.977.650.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	265.657.487.769	224.957.087.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.752.293.875	42.020.562.304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.756.897.659	1.972.336.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.206.232	594.022.136
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.683.555.146	5.915.862.153
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	32.720.164.282	29.069.226.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.093.265.874	8.413.788.640
11. Thu nhập khác	31	VI.7	258.343.434	183.636.363
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.798.443	1.491.836
13. Lợi nhuận khác	40		253.544.991	182.144.527
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.346.810.865	8.595.933.167
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.005.618.562	1.819.804.744
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.341.192.303	6.776.128.423
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.099	1.152

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Thị Đoàn

Ngày 25 tháng 02 năm 2023



Tổng Giám đốc

Võ Quốc Hào

21388
CÔNG T
NHIỆM B
VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
SAM VI
TP. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.346.810.865	8.595.933.167
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.129.898.704	3.909.064.467
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.875.501.694)	575.608.029
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.136.482.097)	(2.137.558.990)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.464.725.778	10.943.046.673
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.262.477.928)	16.668.945.261
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.567.676.332)	(7.954.989.120)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.669.541.572)	3.112.877.921
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	902.948.952	2.507.226.890
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.659.378.499)	(2.612.976.451)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.153.526.131)	(1.443.813.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.944.925.732)	21.220.317.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(384.517.462)	(6.805.327.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	294.343.434	183.636.363
3. Tiền chi cho vay	23	(74.126.000.000)	(41.270.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	69.526.000.000	20.642.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2.878.138.663	1.689.901.822
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.812.035.365)	(25.559.789.515)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.242.283.650)	(7.656.552.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.242.283.650)	(7.656.552.975)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.999.244.747)	(11.996.025.144)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.347.831.947	51.077.138.297
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	800.808.857	266.718.794
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	31.149.396.057	39.347.831.947

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Thị Đoan

Ngày 25 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào